

Số: /TM-BVĐK

Quảng Trị, ngày 13 tháng 6 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ: 266 Hùng Vương, Phường Đông Lương, TP. Đông Hà, Quảng Trị

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Nguyễn Thị Minh Thuận, số điện thoại: 0913.411.151
- Email: minhthuan5012@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Cách tiếp nhận báo giá: Qua đường công văn
- Địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, địa chỉ: 266 Hùng Vương, P.Đông Lương, TP.Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Gửi kèm file báo giá bản pdf và excel về địa chỉ email: minhthuan5012@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 25 tháng 6 năm 2024.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: *theo danh mục đính kèm*

Tuỳ chọn mua thêm tối đa là: 30% theo số lượng từng mặt hàng

2. Địa điểm giao hàng: Tầng 1 - Khu nhà G - Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 5-7 ngày sau khi nhận được dự trù.

4. Công ty cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh

doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

5. Các yêu cầu khác:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật theo thư mời báo giá (nếu có).

Đề nghị các đơn vị/nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên.

Thư mời chào giá được đăng tải trên website của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị (<https://quangtrihospital.vn/>) hoặc (<https://benhvientinh.quangtri.gov.vn/>) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>).

Thư mời báo giá này thay cho Thư mời báo giá số 138/TM-BVĐK ngày 04/6/2024 và Thư mời báo giá số 142/TM-BVĐK ngày 05/6/2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng TCKT;
- Lưu: VT, K.Dược.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Lâm

Công ty:.....
Địa chỉ :.....
Điện thoại :.....
Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, chúng tôi Công ty..... báo giá cho các hàng hoá như sau:

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Tên hàng hóa báo giá	Mã sản phẩm (nếu có)	Đơn vị tính	Quy cách	Yêu cầu kỹ thuật	Hãng và nước sản xuất	Hãng và nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Chất lượng sản phẩm	Số lượng	Đơn giá (gồm thuế VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Tổng cộng:			khoản										

(Gửi kèm tài liệu chứng minh về yêu cầu kỹ thuật theo thư mời báo giá) (Nếu có)

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 150 ngày, kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2024

Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

....., ngày...tháng....năm...

Đại diện hợp pháp của công ty

(ký tên, đóng dấu (nếu có))

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ DÙNG TRONG LĨNH VỰC NGOẠI KHOA NĂM 2024

(Đính kèm thư mời báo giá số: /TM-BVĐK ngày 13 tháng 6 năm 2024)

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ định nội tủy xương đùi dài Titanium đa phương diện trái, phải các cỡ			
1.1	Định nội tủy xương đùi dài trái, phải các cỡ	- Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính đầu $\geq 13\text{mm}$; đường kính thân $\geq 9.5\text{mm}$; chiều dài $\geq 320\text{mm}$.	Cái	30
1.2	Vít tái tạo định nội tủy xương đùi (vít chốt cổ xương đùi)	Chất liệu hợp kim Titanium. Đường kính 6.3mm; chiều dài trong khoảng từ 65mm đến 125mm.	Cái	20
1.3	Vít chốt khóa định nội tủy các cỡ	Chất liệu hợp kim Titanium. Đường kính 4.5mm/5.0mm. Chiều dài trong khoảng từ 26mm đến 100mm.	Cái	60
2	Bộ định nội tủy xương chày			
2.1	Định nội tủy xương chày các cỡ	Đường kính trong khoảng từ 8mm đến 13mm	Cái	60
2.2	Vít khóa chốt	Đường kính 4.5mm	Cái	240
3	Bộ nẹp khóa nén ép mòm khuỷu trái, phải các cỡ			
3.1	Nẹp khóa nén ép mòm khuỷu trái, phải các cỡ	Chất liệu Titanium hoặc thép không gỉ số lỗ nẹp trong khoảng từ 4 lỗ đến 12 lỗ, chiều dài trong khoảng từ 112mm đến 216mm.	Cái	5
3.2	Vít khóa	- Đường kính 3.5mm - Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 8mm đến 80mm.	Cái	40
4	Bộ nẹp DHS			
4.1	Nẹp DHS	- Góc 135 độ - Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 2 lỗ đến 14 lỗ.	Cái	50
4.2	Vít chốt/Vít lớn DHS	Đường kính ren $\geq 12.5\text{mm}$.	Cái	50
4.3	Vít nén DHS	Chiều dài $\geq 28\text{mm}$, đường kính đầu vít $\geq 10\text{mm}$.	Cái	50
5	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay			
5.1	Nẹp khóa đầu dưới xương quay trái, phải	- Lỗ đầu: trong khoảng từ 3 lỗ đến 10 lỗ. - Lỗ thân: 3 lỗ đến 8 lỗ.	Cái	60

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
5.2	Vít khóa	Vít khóa đường kính 2.4mm, chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 16mm đến 24 mm.	Cái	350
6	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay			
6.1	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay trái, phải	- Chiều dài nẹp ≥ 92 mm, có trong khoảng từ 3 lỗ đến 12 lỗ nẹp. - Chất liệu hợp kim Titanium.	Cái	30
6.2	Vít khóa	Đường kính 3.5mm, chất liệu Titanium.	Cái	240
7	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay			
7.1	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay trái, phải	Lỗ đầu: có trong khoảng từ 3 lỗ đến 8 lỗ. Lỗ thân ≥ 3 lỗ.	Cái	5
7.2	Vít khóa	- Đường kính 3.5mm, tự taro - Chất liệu hợp kim Titanium.	Cái	20
8	Bộ nẹp khóa xương đòn			
8.1	Nẹp khóa xương đòn hình chữ S	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 5 lỗ đến 12 lỗ	Cái	10
8.2	Nẹp khóa móc xương đòn	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 3 lỗ đến 7 lỗ.	Cái	40
8.3	Vít khóa	Đường kính 3.5mm.	Cái	800
9	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi			
9.1	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái, phải	- Lỗ đầu ≤ 3 lỗ - Lỗ thân: có trong khoảng từ 2 lỗ đến 12 lỗ - Chất liệu hợp kim Titanium.	Cái	50
9.2	Vít khóa	- Đường kính 5.0mm - Chất liệu hợp kim Titanium.	Cái	200
9.3	Vít khóa	- Đường kính 7.3mm - Chất liệu hợp kim Titanium.	Cái	100
10	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi			
10.1	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái, phải	Nẹp có trong khoảng từ 5 lỗ đến 15 lỗ.	Cái	40
10.2	Vít khóa	Vít khóa đường kính 4.5mm/5.0mm, đầu vít tự taro.	Cái	400
11	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày			
11.1	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 3 lỗ đến 12 lỗ.	Cái	30
11.2	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 4 lỗ đến 10 lỗ.	Cái	10
11.3	Vít khóa	Đường kính 3.5mm.	Cái	60
11.4	Vít khóa	Đường kính 5.0mm.	Cái	300
12	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày			

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
12.1	Nẹp khóa trước bên đầu dưới xương chày	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 4 lỗ đến 12 lỗ.	Cái	5
12.2	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 4 lỗ đến 12 lỗ.	Cái	20
12.3	Vít khóa	Đường kính 3.5mm.	Cái	750
13	Bộ nẹp khóa bản nhỏ			
13.1	Nẹp khóa bản nhỏ	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 5 lỗ đến 10 lỗ.	Cái	10
13.2	Vít khóa	Đường kính 3.5mm.	Cái	60
14	Bộ nẹp khóa bản hẹp			
14.1	Nẹp khóa bản hẹp	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 6 lỗ đến 12 lỗ.	Cái	10
14.2	Vít khóa	Đường kính 5.0mm.	Cái	80
15	Bộ nẹp khóa bản rộng			
15.1	Nẹp khóa bản rộng	Nẹp có các lỗ trong khoảng từ 5 lỗ đến 16 lỗ.	Cái	10
15.2	Vít khóa	Đường kính 5.0mm.	Cái	70
16	Bộ nẹp khóa xương gót			
16.1	Nẹp khóa gót chân trái, phải các cỡ	- Nẹp dày 1.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 50mm đến 80mm.	Cái	20
16.2	Vít khóa	Ren toàn phần, đường kính 3.5 mm.	Cái	200
17	Bộ nẹp vít bàn ngón			
17.1	Nẹp bàn ngón	Nẹp có trong khoảng từ 3 lỗ đến 10 lỗ.	Cái	100
17.2	Vít bàn ngón dài các cỡ	Đường kính 2.0mm, chiều dài trong khoảng từ 6mm đến 20mm.	Cái	400
18	Bộ đinh nội tủy xương đùi ngắn trái, phải, các cỡ			
18.1	Đinh nội tủy xương đùi ngắn trái, phải, dài các cỡ	- Chất liệu Titanium - Đường kính thân trong khoảng từ 9.3mm đến 13mm, chiều dài trong khoảng từ 150mm đến 270mm.	Cái	40
18.2	Vít chốt cổ xương đùi ngắn	- Chất liệu Titanium - Đường kính thân ≥ 10.3 mm - Chiều dài có các cỡ trong khoảng 70mm đến 120mm.	Cái	40
18.3	Vít khóa đinh nội tủy	- Chất liệu Titanium - Đường kính thân 4.5mm/ 5,0mm. - Chiều dài có các cỡ trong khoảng 26mm đến 90mm.	Cái	40
19	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác			

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19.1	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	- Lỗ đầu có trong khoảng từ 3 lỗ đến 5 lỗ. - Lỗ thân có trong khoảng từ 4 lỗ đến 12 lỗ.	Cái	10
19.2	Vít khóa	Đường kính 3.5mm.	Cái	50
20	Bộ xi măng cột sống có bóng nong thân đốt sống			
20.1	Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống	Bao gồm: 1 ống rỗng nòng, 1 kim chọc đẩy xi măng có vạch chia dung tích. Dung tích $\geq 1.5\text{cc}$, size 3. Tiệt trùng.	Cái	60
20.2	Kim chọc khoan thân sống	Đường kính ngoài $\leq 4.2\text{mm}$. Bao gồm: 2 ống Trocar dạng rỗng nòng, 1 nòng bên trong ống Trocar, có 4 kim dẫn đường. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	30
20.3	Bộ bơm xi măng có bóng	Có bóng nong thân đốt sống, với 2 điểm cân quang, có ít nhất 3 size trong khoảng từ 10mm đến 20mm. Tiệt trùng.	Cái	30
21	Bộ nẹp vít cột sống qua da			
21.1	Vít cột sống qua da đa trục	Vật liệu: hợp kim Titanium. Vít thiết kế rỗng nòng. Đường kính: 5.5mm, 6.5mm. Dài $\geq 30\text{mm}$.	Cái	80
21.2	Ốc khóa trong qua da	Vật liệu: hợp kim Titanium. Chiều cao ban đầu của ốc khoá $\geq 10.3\text{mm}$ - Chiều cao của phần ốc khóa sau khi bẻ vít $\leq 4.7\text{mm}$	Cái	80
21.3	Nẹp dọc uốn sẵn bắt qua da	Vật liệu: Titanium. Uốn cong sẵn, đường kính $\leq 5.5\text{mm}$. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 30mm đến 90mm.	Cái	10
21.4	Nẹp dọc thẳng qua da cột sống ngực lưng	Vật liệu: Titanium. Đường kính $\leq 5.5\text{mm}$. Loại thẳng. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 70mm đến 120mm.	Cái	10
22	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng			
22.1	Que luồn dưới da	- Vật liệu thép, chiều dài $\geq 60\text{cm}$ với đường kính trong $\geq 3.3\text{mm}$ đường kính ngoài $\geq 4.8\text{mm}$.	Cái	5
22.2	Dẫn lưu não thất-ổ bụng kèm khoang Delta	-Cổng kết nối với catheter, khoang chứa dịch, van áp lực cố định. - Catheter ổ bụng dài $\geq 90\text{ cm}$, đường kính trong $\geq 1.3\text{ mm}$, đường kính ngoài $\geq 2.5\text{ mm}$.	Bộ	5

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
23	Bộ nẹp vít cố định cột sống lưng- Thất lưng, dùng trong mổ gãy, trượt cột sống lưng, thất lưng			
23.1	Vít cột sống đa trục	- Đường kính: có các cỡ trong khoảng từ 4.0mm đến 7.5mm, - Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 20mm đến 55mm. - Khoảng cách giữa 2 bước ren \leq 2.9mm. - Chiều cao mũ vít \leq 16.1mm. - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc \leq 9.2mm.	Cái	550
23.2	Ốc khoá trong cho vít cột sống ngực lưng	Chiều cao ban đầu của ốc khoá \geq 13mm, chiều cao còn lại của ốc khoá sau khi bẻ vít \leq 4.7mm. Đường kính của ốc khoá \geq 8mm.	Cái	550
23.3	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	Đường kính \leq 5.5mm, dài 500mm.	Cái	100
24	Bộ nẹp vít cố định cột sống lưng- Thất lưng, dùng trong mổ gãy, trượt cột sống lưng, thất lưng phủ bạc			
24.1	Vít cột sống đa trục phủ bạc có lỗ bơm xi măng	Đường kính có các cỡ trong khoảng từ 5.5mm đến 8.0mm, chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 30mm đến 55mm.	Cái	30
24.2	Vít cột sống đa trục phủ bạc	Đường kính có các cỡ trong khoảng từ 4.0mm đến 8.0mm; chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 20mm đến 55mm.	Cái	160
24.3	Ốc khoá trong phủ bạc	- Ốc có hình trụ tròn có 3 bước ren. - Đầu ốc bên trong hình ngôi sao 6 cạnh.	Cái	190
24.4	Nẹp dọc đốt sống lưng, thất lưng lõi sau (Rod) phủ bạc	Đường kính 6.0mm.	Cái	40
24.5	Miếng ghép đĩa đệm thất lưng dạng cong	Dài \geq 28mm, rộng \geq 10mm, cao trong khoảng từ 7mm đến 13mm.	Cái	12
25	Bộ cột sống loãng xương hai bước ren ngực lưng			
25.1	Vít cột sống đa trục hai bước ren	Vật liệu: hợp kim Titanium. Đường kính có các cỡ trong khoảng từ 4.0mm đến 6.5mm. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 20mm đến 45mm. Chiều cao mũ vít \leq 14.8mm. Chiều rộng phần mũ vít \leq 10.5mm.	Cái	40

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25.2	Ốc khóa trong hai bước ren	Vật liệu: hợp kim Titanium. Đường kính $\leq 7.9\text{mm}$. Chiều cao ốc khoá sau khi bẻ vít $\leq 4.9\text{mm}$.	Cái	40
25.3	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	Vật liệu: hợp kim Titanium. Đường kính $\leq 4.75\text{mm}$, chiều dài 500mm.	Cái	10
26	Bộ miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ trước kèm vít			
26.1	Miếng ghép đĩa đệm nghiêng liền nẹp cổ trước	Lỗ dành cho bắt vít ≥ 2 lỗ. Chiều cao có các cỡ trong khoảng từ 5mm đến 7mm. Độ dày: cạnh sau $\leq 2.5\text{mm}$, cạnh bên $\leq 2.3\text{mm}$, cạnh trước $\leq 3.8\text{mm}$. Độ nghiêng ≥ 6 độ.	Cái	5
26.2	Vít cột sống cổ trước tự khoan hai bước ren	Vật liệu: hợp kim Titanium. Có 2 bước ren là ren xương cứng và ren xương xốp. Đường kính $\leq 3.5\text{mm}$. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 13mm đến 15mm.	Cái	10
27	Nẹp sọ não thẳng, 4 lỗ	Nẹp dày 0.5mm. Chất liệu Titanium.	Cái	10
28	Nẹp sọ não thẳng, 6 lỗ	Nẹp dày 0.5mm. Chất liệu Titanium.	Cái	20
29	Nẹp sọ não thẳng, 8 lỗ	Nẹp dày 0.5mm, chất liệu Titanium.	Cái	10
30	Nẹp sọ não chữ L trái, phải	Nẹp dày 0.5mm, sử dụng vít chữ thập đường kính 1.5mm.	Cái	5
31	Nẹp chữ T 6 lỗ	Nẹp dày 0.5mm, sử dụng vít chữ thập đường kính 1.5mm. Chất liệu Titanium.	Cái	5
32	Vít sọ não dài các cỡ	Vít chữ thập đường kính $\geq 1.5\text{mm}$ dài trong khoảng từ 4mm đến 15mm.	Cái	200
33	Vít sọ não, tự khoan dài các cỡ	Đường kính vít 1.5 mm, dài trong khoảng 3mm đến 7mm.	Cái	50
34	Miếng vá sọ não	Kích thước 120mmx100mm; dày 0.6mm, dùng vít chữ thập đường kính 1.5mm.	Miếng	10
35	Nẹp dọc	- Đường kính 3.2 mm. - Vật liệu: hợp kim Titanium. Chiều dài $\geq 240\text{mm}$.	Cái	5
36	Vít đa trục cột sống cổ sau	Vật liệu: hợp kim Titanium. Vít tự taro. Đường kính vít trong khoảng từ 3.5mm đến 4.0 mm. Chiều dài vít có các cỡ $\geq 10\text{mm}$.	Cái	20
37	Ốc khóa trong cột sống cổ sau	Vật liệu: hợp kim Titanium. Chiều cao $\leq 3.7\text{mm}$. Khoảng cách giữa 2 bước ren $\leq 0.8\text{mm}$.	Cái	20
38	Nẹp chằm cổ	Vật liệu: hợp kim Titanium. Dài $\geq 200\text{mm}$. Đường kính 3.2 mm.	Cái	4

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
39	Vít châm cổ	Vật liệu: hợp kim Titanium. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ từ 6mm đến 12mm. Đường kính 4.0 mm.	Cái	8
40	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống cổ trước	Số điểm đánh dấu căn quang ≥ 3 điểm.	Cái	10
41	Sản phẩm sinh học thay thế xương	Dạng gel. Dung tích ≥ 1 cc. Tiệt trùng sẵn.	Cái	10
42	Nẹp cổ trước	Vật liệu: hợp kim Titanium. Chiều dày nẹp ≤ 2.5 mm. Bán kính cong dọc ≤ 184 mm, bán kính cong ngang ≤ 25 mm. Dài 19mm đến 30mm.	Cái	3
43	Nẹp cổ trước	Vật liệu: hợp kim Titanium. Dài từ 32.5mm Bán kính cong dọc ≤ 184 mm, bán kính cong ngang ≤ 25 mm. Dài 32.5mm đến 47.5mm.	Cái	5
44	Nẹp cổ trước	Vật liệu: hợp kim Titanium. Chiều dày nẹp ≤ 2.5 mm. Bán kính cong dọc ≤ 184 mm, bán kính cong ngang ≤ 25 mm. Dài 50mm đến 67.5mm.	Cái	5
45	Vít cột sống cổ trước	Vật liệu: hợp kim Titanium . Vít tự taro. Chiều dài vít có các cỡ trong khoảng từ 13mm đến 16mm, đường kính trong ≤ 2.4 mm, đường kính ngoài ≤ 4.0 mm.	Cái	82
46	Bộ bơm áp lực có đồng hồ đo	Dạng xi lanh, có đồng hồ đo áp lực bóng, áp lực bơm tối đa ≥ 400 psi	Cái	30
47	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn	Bao gồm: 01 tay trộn, 01 thân bộ trộn, 01 pittong áp lực, 01 phễu, 01 dây hút chân không, 01 bộ kết nối với khóa Luer trên thân bộ trộn, 01 kim tiêm, 01 xi lanh. Tiệt trùng.	Bộ	60
48	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Xi măng dạng bột có trọng lượng ≥ 20 g với thành phần Barium sulphate, Methyl methacrylate-Styrene-copolymer, Benzoyl peroxide.	Gói	60
49	Kim chọc dò cuống sống	Bao gồm: kim mũi kim cương và trocar. Kích cỡ ≤ 11 Gauge. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	90
50	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu	Kích thước: chiều dài trong khoảng từ 5mm đến 35mm, đường kính vít trong khoảng từ 4mm đến 10 mm.	Cái	100

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
51	Lưỡi bào dùng trong nội soi khớp	Chiều dài làm việc trong khoảng từ 12cm đến 15cm. Tốc độ làm việc dao động từ 2500 vòng/phút đến tối đa 6000 vòng/phút.	Cái	100
52	Vít neo cố định dây chằng chéo có thể điều chỉnh độ dài dây treo.	- Gồm 2 phần: + Thanh treo: Kích thước: Chiều rộng trong khoảng từ 2mm đến 4mm, chiều cao 1.5mm, chiều dài trong khoảng từ 9mm đến 12mm. + Vòng treo mảnh ghép.	Cái	10
53	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio	Đầu đốt góc cong 90 độ	Cái	120
54	Dây bơm nước dùng trong nội soi chạy bằng máy	Có duy nhất 1 đường dẫn nước vào. Sử dụng bơm 10k. Phù hợp với máy nội soi Conmed.	Cái	120
55	Lưỡi mài ổ khớp	Chiều dài làm việc 13cm; đường kính 4.0mm; 4.5mm; 5.0mm; 5.5mm, 6.0mm.	Cái	15
56	Vít chỉ neo khâu sụn viền	Đường kính vít có các cỡ trong khoảng từ 1.3mm đến 5mm.	Cái	30
57	Vít chỉ neo khâu chóp xoay	Đầu neo có đường kính trong khoảng từ 2mm đến 4mm.	Cái	40
58	Bộ điều trị hút áp lực âm	- 01 xốp vết thương kích thước 10 x 15 x 3cm - 01 đệm dán dẫn lưu - 01 giấy gói 68x70cm - 03 miếng phim 10x 25cm.	Bộ	100
59	Bộ điều trị hút áp lực âm	- 01 xốp vết thương kích thước 25 x 15 x 3cm - 01 đệm dán dẫn lưu - 01 giấy gói 68x70cm - 05 miếng phim 10x 25cm.	Bộ	100
60	Túi chứa dịch thải bằng phương pháp hút áp lực âm	Tấm đỡ bằng polyethylene, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống, có phin lọc kháng khuẩn, chất gel tạo đông. Khử trùng bằng khí EO.	Cái	200
61	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống lưng dạng cong	Số điểm đánh dấu cân quang ≥ 4 điểm. Chiều dài ≤ 25 mm. Chiều cao có các cỡ trong khoảng từ 7mm đến 14mm. Độ ưỡn ≥ 6 độ. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	50

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
62	Vít neo cố định dây chằng chéo	Vật liệu: Vít neo bằng Titanium. Kích thước vít neo: đường kính 4.5mm, dài trong khoảng từ 10mm đến 15 mm.	Cái	90
63	Chỉ khâu chỉnh hình siêu bền	Độ dài chỉ: ≥ 40 inch.	Sợi	200
64	Trocar sử dụng trong nội soi khớp vai	Kích thước $\geq 6 \times 7.5$ mm; đóng gói vô trùng.	Cái	30
65	Khớp háng bán phần không xi măng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chuôi (cuồng) <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim chứa Titanium 2. Chỏm <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Cobalt-chrome (CoCr) - Có đường kính: trong khoảng từ 22mm đến 36mm. 3. Ổ cối lưỡng cực (bipolar): <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính trong khoảng từ 38mm đến 60mm. 	Bộ	80
66	Khớp háng toàn phần không xi măng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chuôi (cuồng) <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim chứa Titanium. 2. Chỏm <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim có chứa Cobalt-chrome (CoCr). - Đường kính: trong khoảng từ 22mm đến 40 mm. 3. Ổ cối <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim chứa Titanium . - Có các cỡ trong khoảng từ 38mm đến 82mm. 4. Lớp đệm (lót) ổ cối <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene. 5. Vít ổ cối <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim chứa Titanium. - Chiều dài trong khoảng từ 16mm đến 68mm. 	Bộ	35

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
67	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chuôi (cuồng) - Chất liệu: hợp kim chứa Titanium 2. Chỏm (đầu xương đùi): - Chất liệu Ceramic - Có các đường kính trong khoảng từ 22mm đến 40mm. 3. Ổ cối - Chất liệu: hợp kim chứa Titanium - Có các cỡ trong khoảng từ 38mm đến 82mm 4. Lớp đệm (lót) ổ cối - Chất liệu Polyethylene 5. Vít ổ cối - Chất liệu: hợp kim chứa Titanium - Chiều dài trong khoảng từ 16mm đến 68mm. 	Bộ	10
68	Khớp gối toàn phần có xi măng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lòai cầu xương đùi : Vật liệu: hợp kim CrCoMo, gồm: cỡ lòai cầu ≥ 8 cỡ. 2. Mâm chày: Vật liệu: CrCo, gồm ≥ 7 cỡ 3. Đệm mâm chày : vật liệu: PolyEthylene, có ≥ 4 cỡ 4. Bánh chè: có các cỡ trong khoảng từ 23mm đến 38mm. 	Bộ	2
69	Cement hóa học	Thành phần: PMMA(polymethylmethacrylate) và MMA (methylmethacrylate) dạng lỏng.	Cái	25
70	Đinh Kít-ne	- Đường kính trong khoảng từ 0.5mm đến 4.0mm. - Hai đầu nhọn.	Cái	2.500
71	Đinh Rush các cỡ	Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 6.0 mm, dài trong khoảng từ 40mm đến 440mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	60
72	Đinh Steinmann các cỡ	Đường kính trong khoảng từ 4.0mm đến 5.0mm, dài trong khoảng từ 180mm đến 500mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	80

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
73	Khung cố định ngoài cẳng chân	Bộ khung gồm trong khoảng từ 4 đỉnh đến 8 đỉnh.	Bộ	25
74	Khung cố định ngoài cẳng tay	Bộ khung gồm trong khoảng từ 4 đỉnh đến 8 đỉnh.	Bộ	10
75	Khung cố định ngoài chữ T	Bộ khung gồm trong khoảng từ 4 đỉnh đến 8 đỉnh.	Bộ	15
76	Khung cố định ngoài gần khớp	Bộ khung gồm trong khoảng từ 4 đỉnh đến 8 đỉnh.	Bộ	15
77	Khung cố định ngoài khung chậu	Bộ khung gồm trong khoảng từ 4 đỉnh đến 8 đỉnh.	Bộ	10
78	Mũi khoan các cỡ	- Đường kính trong khoảng từ 1.2mm đến 4.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 100mm đến 150mm, chất liệu thép không gỉ.	Cái	350
79	Nẹp bản nhỏ	Thân nẹp có các lỗ trong khoảng từ 4 lỗ đến 12 lỗ.	Cái	200
80	Nẹp bản rộng (xương đùi)	Thân nẹp có các lỗ trong khoảng từ 6 lỗ đến 14 lỗ.	Cái	50
81	Nẹp chữ L phải, trái	Thân nẹp có các lỗ trong khoảng từ 3 lỗ đến 8 lỗ	Cái	50
82	Nẹp bản hẹp	Thân nẹp có các lỗ trong khoảng từ 2 lỗ đến 18 lỗ.	Cái	60
83	Nẹp chữ T	Thân nẹp có các lỗ trong khoảng từ 3 lỗ đến 8 lỗ, dùng vít 4.5mm	Cái	20
84	Nẹp hình mắt xích (tái tạo)	Thân nẹp có các lỗ trong khoảng từ 4 lỗ đến 12 lỗ.	Cái	250
85	Vít xoắn	Đường kính 4.0mm, dài từ 14mm đến 70mm.	Cái	300
86	Vít xoắn	Đường kính 6.5mm, dài từ 55mm đến 90mm.	Cái	200
87	Vít xương cứng	Đường kính 2.7mm, có chiều dài từ 16mm đến 36mm.	Cái	100
88	Vít xương cứng	Đường kính 3.5mm, có chiều dài từ 14mm đến 28mm.	Cái	2.600
89	Vít xương cứng	Đường kính 4.5mm, có chiều dài từ 30mm đến 56mm.	Cái	1.400
90	Vít xoắn rộng các cỡ	Đường kính trong khoảng từ 4.5mm đến 7.5mm.	Cái	200
91	Xương bảo quản	Thành phần hoá học: 15% Hydroxyapatite và 85% beta-Tricalcium Phosphate.	Hộp	20
92	Nẹp lòng máng các cỡ	Độ dày ≥ 1.1 mm, độ rộng ≥ 9 mm.	Cái	40

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
93	Nẹp chữ T nhỏ	Có 3 lỗ thân/4 lỗ thân/5 lỗ thân, độ dày $\geq 1.0\text{mm}$, độ rộng $\geq 10\text{mm}$, chất liệu thép không gỉ.	Cái	50
94	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	<p>1. Cuống khớp: Chất liệu hợp kim Titanium. Chiều dài chuỗi từ 140mm đến 240 mm.</p> <p>2. Chỏm (đầu) xương đùi: chất liệu Cobalt-chrome (CoCr), đường kính trong khoảng từ 22mm đến 36 mm.</p> <p>3. Vỏ chỏm (đầu lưỡng cực): kích cỡ trong khoảng từ 36 mm đến 66 mm.</p> <p>4. Lót đệm (lót) đầu chỏm Polyethylene</p>	Bộ	2
95	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài	<p>1. Cuống khớp (chuỗi): chất liệu hợp kim Titanium. Chiều dài chuỗi trong khoảng từ 140 mm đến 200 mm.</p> <p>2. Chỏm xương đùi: chất liệu Cobalt-chrome (CoCr), đường kính trong khoảng từ 22mm đến 36 mm.</p> <p>3. Ổ cối: Chất liệu: Hợp kim chứa Titanium có phủ Titanium. Kích cỡ trong khoảng từ 42mm đến 70 mm.</p> <p>4. Lót đệm (lót) ổ cối: Chất liệu Polyethylene.</p> <p>5. Vít ổ cối: hợp kim chứa Titanium.</p>	Bộ	2
96	Thanh (Nẹp) nối ngang	Vật liệu: hợp kim Titanium. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 10mm đến 75mm. Có ≥ 2 ốc khóa trong, đường kính nẹp dọc $\leq 5.5\text{mm}$.	Cái	5
97	Nẹp nối ngang cố định cột sống	<p>- Vật liệu: hợp kim Titanium</p> <p>- Nẹp xoay được và thay đổi được chiều dài, nẹp kèm 2 vít khóa tự gãy. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 28mm đến 80mm.</p>	Cái	5
98	Thân đốt sống nhân tạo	Vật liệu: Titanium. Đường kính: $\geq 13\text{mm}$. Dài $\geq 70\text{mm}$.	Cái	2

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
99	Dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài kèm catheter dẫn lưu não thất	- Có cổng tiêm hoặc cổng lấy mẫu. - Thang đo áp lực dòng chảy - Có 1 buồng hoặc bình nhỏ giọt 50ml - Có van chống trào ngược, vent lọc khí. - Kèm theo 1 Catheter não thất dài \geq 35cm, đường kính ngoài trong khoảng 2.8mm-3.3mm, đường kính trong trong khoảng từ 1.5mm-1.9mm.	Bộ	50
100	Dẫn lưu thất lưng ra ngoài	- Catheter dài \geq 80 cm - Kim 14G - Kim 20G - Túi chứa dịch 700 ml	Bộ	10
101	Dây cura sọ não		Cái	200
102	Chỉ thép mềm các cỡ	Đường kính từ 0.4mm đến 1.0mm.	Vỉ	80
103	Vít titanium dài các cỡ	Đường kính 2.0mm. Chiều dài vít trong khoảng từ 6mm đến 14mm.	Cái	1.200
104	Nẹp Titanium mini	Dùng vít đường kính 2.0mm, gồm 4 lỗ, 5 lỗ, 6 lỗ.	Cái	520
105	Nẹp mini thẳng bắc cầu 4 lỗ	Dùng vít đường kính 2.0mm, dày 1.0mm.	Cái	30
106	Nẹp mini thẳng bắc cầu 6 lỗ	Dùng vít đường kính 2.0mm, dày 1.0mm.	Cái	50
107	Nẹp mini thẳng 8 lỗ	Dùng vít đường kính 2.0mm, dày 1.0mm.	Cái	40
108	Nẹp mini chữ L trái phải	Dùng vít đường kính 2.0mm.	Cái	20
109	Mũi khoan răng hàm mặt các cỡ	Đường kính từ 1.6mm đến 1.8 mm.	Cái	4
110	Chỉ thép phẫu thuật	Chỉ thép không gỉ, dài 75cm, cong 1/2c.	Cuộn	2
111	Lưới vá sàn hốc mắt (miếng vá khuyết xương)	- Kích thước 100x120mm; - Độ dày \leq 0.6mm; - Dùng vít chữ thập; - Chất liệu Titanium.	Cái	5
112	Vít sọ não các cỡ	- Vít chữ thập; - Đường kính trong khoảng từ 0.5mm đến 0.7mm; - Chất liệu Titanium.	Cái	5

Tổng 112 phần (154 mặt hàng)

Số lượng trên chưa bao gồm tùy chọn mua thêm;

Tùy chọn mua thêm tối đa là: 30% theo số lượng từng mặt hàng.